

MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI, XÃ HỘI VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA HIỆN NAY

BÙI QUANG THANH*

Trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế, văn hóa ngày càng trở nên quan trọng với các quốc gia. Không chỉ thể hiện vai trò là động lực đối với nhu cầu của cộng đồng, cả về mặt vật chất lẫn tinh thần, văn hóa và môi trường văn hóa còn là môi trường tác động đối với quá trình xây dựng cơ chế, chính sách quản lý nhà nước về mặt văn hóa, là cơ sở quan trọng để xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, như Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9-6-2014, Hội nghị Trung ương 9 khóa XI “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” đã chỉ rõ.

NẾU như môi trường sinh thái tự nhiên là nơi chứa đựng những hiện tượng, sự vật chưa có sự tác động dưới bất kỳ hình thức nào của con người (mặt trời, mặt trăng, mây, mưa, sấm chớp, ánh sáng, núi rừng nguyên sinh,...) thì môi trường sinh thái nhân văn lại là không gian tồn tại có sự tác động của bàn tay, khối óc của con người, tạo nên những cảnh quan văn hóa, nhà cửa, sông hồ, đê đập, rừng phòng hộ, rừng dân sinh... Và môi trường xã hội lại là không gian dành cho việc xây tạo và tồn tại của các mối quan hệ cũng như những sản phẩm của sự tác động lẫn nhau giữa các cá thể người nói riêng và giữa các nhóm/cộng đồng người với nhau, từ phạm vi môi trường văn hóa gia đình, dòng họ đến môi trường sản xuất, giao lưu kinh tế - hàng hóa, môi trường chính trị, văn hóa nói chung.

Và như vậy, có thể thấy rằng, để tồn tại và phát triển, con người luôn luôn phải thể hiện

vai trò nòng cốt trong các mối quan hệ ứng xử với môi trường sinh thái tự nhiên, môi trường sinh thái nhân văn và đặc biệt là môi trường xã hội, từ đó thực hiện các quá trình sáng tạo, tái tạo, đánh giá, lưu giữ và hưởng thụ các sản phẩm vật chất cũng như tinh thần của cá nhân hoặc cộng đồng mình trong những hoàn cảnh lịch sử và điều kiện xã hội nhất định. Môi trường nói chung và môi trường văn hóa nói riêng mang trọng trách và vai trò ở những cấp độ, mức độ và phạm vi khác nhau, tác động đến đời sống con người cũng như xã hội, tạo ra động lực cho sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người.

Tiếp cận trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nhận thức môi trường văn hóa như là nhiệm vụ và nội dung của phát triển văn hóa, Đảng ta đã chỉ rõ: “Môi trường văn hóa là môi trường

* GS, TS, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam

chứa đựng những giá trị văn hóa và diễn ra các quan hệ văn hóa, các hoạt động sáng tạo, hưởng thụ văn hóa của con người”⁽¹⁾. Chính vì thế, khi nhìn nhận, đánh giá vai trò của môi trường văn hóa đối với con người cũng như đối với phát triển kinh tế và an ninh xã hội cần thiết phải xuất phát từ những không gian, điều kiện và chủ thể nhất định, trên cơ sở tôn trọng đặc tính văn hóa dân tộc/tộc người. Nhận diện vai trò của môi trường văn hóa phải xem xét sự gắn kết từ phạm vi gia đình, dòng họ đến cộng đồng xã hội. Môi trường văn hóa giữ vai trò quan trọng trong chiến lược bảo vệ giá trị văn hóa truyền thống, tuân thủ các cơ chế và thiết chế văn hóa do các cơ quan quản lý nhà nước ban hành và bảo vệ môi trường sinh thái nói chung. Đây chính là những cơ sở có ý nghĩa động lực để hình thành nên “sức mạnh mềm” về văn hóa, trong đó con người vừa là sản phẩm, vừa là chủ thể văn hóa, thực thi hướng đến mục đích xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, xây dựng gia đình và cộng đồng văn minh, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hóa, nâng cao dân trí cũng như đẩy mạnh hoạt động của các phong trào văn hóa, văn nghệ ở mọi vùng quê.

Môi trường văn hóa bao trùm toàn bộ đời sống văn hóa của cộng đồng, vấn đề văn hóa kinh tế đã và đang được đặt ra như một sự tất yếu của quy luật phát triển xã hội, trong đó, nhu cầu thụ hưởng phúc lợi xã hội và hoạt động dịch vụ của nhân dân ở mọi vùng, miền đất nước cần nhận được sự quan tâm của đội ngũ xây dựng cơ chế, chính sách, cũng như của toàn xã hội nói chung.

Môi trường văn hóa trong xã hội truyền thống

Văn hóa cổ truyền người Việt trong tiến trình hình thành, bồi đắp và phát triển, dù có đa dạng, sinh động và phong phú đến đâu,

suy cho cùng đều được phôi thai, nảy nở từ môi sinh văn hóa và mối quan hệ làng xã nhất định. Và đương nhiên, chủ nhân của những nguồn văn hóa mang đậm bản sắc địa phương đó cũng nhờ sự nuôi dưỡng của “dòng sữa” được chưng cất từ môi sinh văn hóa làng, luôn luôn có khả năng sáng tạo (và thực hành) cho mình, cho cộng đồng của mình vốn tri thức văn hóa sinh kế và văn hóa giải trí mang đậm giá trị nhân sinh, được bồi đắp, kế thừa, bảo vệ và phát huy từ thế hệ này đến thế hệ khác.

Trong xã hội truyền thống (tính từ năm 1945 trở về trước), do những đặc điểm lịch sử xã hội gắn với chế độ quân chủ chuyên chế của nhà nước phong kiến, môi trường văn hóa của cộng đồng quốc gia đa tộc người bị bó hẹp và gần như giới hạn trong không gian văn hóa làng/bản. Sinh hoạt văn hóa của cá nhân, gia đình, dòng họ và cộng đồng xã hội chủ yếu giới hạn trong 4 tiểu không gian văn hóa của làng/bản: Không gian văn hóa cư trú (nơi ăn, ở, sinh hoạt của gia đình, dòng họ); không gian văn hóa sinh kế (môi trường sinh thái tự nhiên và môi trường sinh thái nhân văn trong phạm vi sở hữu của làng/bản); không gian văn hóa tâm linh (các địa điểm và cơ sở vật chất phục vụ thực hành tín ngưỡng tâm linh tại nơi cư trú và sản xuất); không gian văn hóa sinh hoạt cộng đồng (môi trường dành cho sinh hoạt chung của tập thể cộng đồng có gắn với vị trí của một cơ sở thực hành tín ngưỡng thờ thành hoàng làng/bản hoặc người có công khai phá ra vùng đất định cư cho làng/bản).

Sự hợp nhất và tương tác một cách hài hòa của các tiểu không gian văn hóa trên tạo nên một môi trường văn hóa đủ sức đáp ứng mọi nhu cầu tối thiểu của cộng đồng, hướng về

(1) Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 59

con người, cho con người và con người chính là hạt nhân trung tâm tạo tác cũng như tiếp nhận sự chi phối, điều chỉnh từ môi trường sinh thái tự nhiên và môi trường sáng tạo do chính mình xây tạo nên. Trong môi trường văn hóa đó, sự hiện diện của văn hóa gia đình luôn luôn giữ vai trò nòng cốt, kết hợp với các thành tố khác của môi sinh hướng đến việc bảo vệ sự tồn tại của nòi giống, uốn nắn dạy dỗ nền nếp sinh hoạt cũng như nhân cách của mọi thành viên trong gia đình, từ gia đình, trước khi hòa nhập vào môi trường văn hóa xã hội.

Nhìn vào sự vận động của lịch sử phát triển xã hội Việt Nam, môi trường văn hóa luôn có sự tiếp biến, điều chỉnh một cách linh hoạt, hợp lý giữa các yếu tố văn hóa bản địa với các thiết chế văn hóa du nhập, gạn lọc từ Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo, dưới sự kiểm soát của bộ máy công quyền, đó là quá trình vừa có đồng thuận, vừa có chấp thuận. Không phải ngẫu nhiên mà trong môi trường văn hóa truyền thống ngót chục thế kỷ dưới chế độ quân chủ chuyên chế, xuất phát từ vấn đề con người, cần giáo dục con người theo chuẩn mực nhân - nghĩa - lễ - trí - tín (Ngũ thường), Nho giáo đã đẩy gia phong trong gia đình phong kiến Việt Nam lên mức hoàn chỉnh theo tính thời đại của nó, tạo thành những “công thức” và “liều lượng” cần thiết, đủ để xây tạo một môi trường văn hóa kiểu nhà nước phong kiến, nhằm thực hiện mục đích giáo dục nhân cách và định hình nếp sống, phong cách sống cho một kiểu gia đình phong kiến hoàn thiện, có văn hóa. Các công thức của Nho giáo đều hướng vào việc thiết lập các mối quan hệ, từ quan hệ hẹp trong phạm vi gia đình, như cha mẹ - con cái, vợ - chồng, anh - em (gia đình hạt nhân), quan hệ họ hàng thân tộc (gia đình mở rộng) đến quan hệ làng xóm - láng giềng, thầy - trò, vua - tôi.

Lịch sử cũng cho thấy, một khi bộ máy quân chủ của nhà nước địa phương được xác lập chắc chắn và ý thức củng cố tập quyền của dòng họ thống trị được đề cao thì Nho giáo ngày càng được đón nhận và trọng dụng. Gia đình phong kiến Việt Nam vì thế cũng ngày càng được thiết lập một cách chặt chẽ, có những lớp lang trong quan hệ bền vững qua các đời. Nho giáo đã có vai trò nâng cao sự học trong các gia đình, nâng cao dân trí và đề ra các luật lệ, lễ nghĩa trong phạm vi gia đình. Nội dung của khái niệm “gia phong” cũng ngày một mở rộng hơn và xác lập cụ thể theo sự mở mang của các mối quan hệ và có vai trò duy trì sự bền vững vốn đã có trong truyền thống, nâng cao nó theo màu sắc của Nho giáo. Và như vậy, trong đời sống văn hóa gia đình người Việt, Nho giáo dần dần thấm sâu và đồng hành tồn tại cùng Phật giáo, tạo ra sự thống nhất trong các mặt đối lập, trở thành đối tác cần thiết để gia đình phong kiến Việt Nam sàng lọc, chọn lựa và chấp nhận các góc độ, mức độ và phạm vi khác nhau cho phù hợp.

Và từ môi trường sinh thái nhân văn, môi trường xã hội đó, gia phong đã được cô kết cùng gia lễ, gia pháp, gia huấn trong phạm vi gia đình (và dòng họ), giúp cho con người của các thế hệ nhận thức và tuân theo những lễ phép, cách thức tu dưỡng nhất định để tự nâng cao tri thức cũng như kỹ năng cho mình, khả dĩ chung sống và hòa hợp được với hoàn cảnh cùng các mối quan hệ (huyết thống, làng xã,...). Và như thế, những yếu tố có tính quyết định đến sự hình thành nhân cách con người lại nằm trong/xuất phát từ phạm vi không gian/môi trường văn hóa gia đình, trong đó gia phong đóng vai trò chủ đạo.

Nhìn theo trục lịch sử, có thể nhận thấy môi trường văn hóa đóng vai trò hạt nhân với nếp gia phong truyền thống của gia đình bình dân (hiện chiếm số lượng lớn nhất trong hệ

chứa đựng những giá trị văn hóa và diễn ra các quan hệ văn hóa, các hoạt động sáng tạo, hưởng thụ văn hóa của con người”⁽¹⁾. Chính vì thế, khi nhìn nhận, đánh giá vai trò của môi trường văn hóa đối với con người cũng như đối với phát triển kinh tế và an ninh xã hội cần thiết phải xuất phát từ những không gian, điều kiện và chủ thể nhất định, trên cơ sở tôn trọng đặc tính văn hóa dân tộc/tộc người. Nhận diện vai trò của môi trường văn hóa phải xem xét sự gắn kết từ phạm vi gia đình, dòng họ đến cộng đồng xã hội. Môi trường văn hóa giữ vai trò quan trọng trong chiến lược bảo vệ giá trị văn hóa truyền thống, tuân thủ các cơ chế và thiết chế văn hóa do các cơ quan quản lý nhà nước ban hành và bảo vệ môi trường sinh thái nói chung. Đây chính là những cơ sở có ý nghĩa động lực để hình thành nên “sức mạnh mềm” về văn hóa, trong đó con người vừa là sản phẩm, vừa là chủ thể văn hóa, thực thi hướng đến mục đích xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, xây dựng gia đình và cộng đồng văn minh, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hóa, nâng cao dân trí cũng như đẩy mạnh hoạt động của các phong trào văn hóa, văn nghệ ở mọi vùng quê.

Môi trường văn hóa bao trùm toàn bộ đời sống văn hóa của cộng đồng, vấn đề văn hóa kinh tế đã và đang được đặt ra như một sự tất yếu của quy luật phát triển xã hội, trong đó, nhu cầu thụ hưởng phúc lợi xã hội và hoạt động dịch vụ của nhân dân ở mọi vùng, miền đất nước cần nhận được sự quan tâm của đội ngũ xây dựng cơ chế, chính sách, cũng như của toàn xã hội nói chung.

Môi trường văn hóa trong xã hội truyền thống

Văn hóa cổ truyền người Việt trong tiến trình hình thành, bồi đắp và phát triển, dù có đa dạng, sinh động và phong phú đến đâu,

suy cho cùng đều được phôi thai, nảy nở từ môi sinh văn hóa và mối quan hệ làng xã nhất định. Và đương nhiên, chủ nhân của những nguồn văn hóa mang đậm bản sắc địa phương đó cũng nhờ sự nuôi dưỡng của “dòng sữa” được chưng cất từ môi sinh văn hóa làng, luôn luôn có khả năng sáng tạo (và thực hành) cho mình, cho cộng đồng của mình vốn tri thức văn hóa sinh kế và văn hóa giải trí mang đậm giá trị nhân sinh, được bồi đắp, kế thừa, bảo vệ và phát huy từ thế hệ này đến thế hệ khác.

Trong xã hội truyền thống (tính từ năm 1945 trở về trước), do những đặc điểm lịch sử xã hội gắn với chế độ quân chủ chuyên chế của nhà nước phong kiến, môi trường văn hóa của cộng đồng quốc gia đa tộc người bị bó hẹp và gần như giới hạn trong không gian văn hóa làng/bản. Sinh hoạt văn hóa của cá nhân, gia đình, dòng họ và cộng đồng xã hội chủ yếu giới hạn trong 4 tiêu không gian văn hóa của làng/bản: Không gian văn hóa cư trú (nơi ăn, ở, sinh hoạt của gia đình, dòng họ); không gian văn hóa sinh kế (môi trường sinh thái tự nhiên và môi trường sinh thái nhân văn trong phạm vi sở hữu của làng/bản); không gian văn hóa tâm linh (các địa điểm và cơ sở vật chất phục vụ thực hành tín ngưỡng tâm linh tại nơi cư trú và sản xuất); không gian văn hóa sinh hoạt cộng đồng (môi trường dành cho sinh hoạt chung của tập thể cộng đồng có gắn với vị trí của một cơ sở thực hành tín ngưỡng thờ thành hoàng làng/bản hoặc người có công khai phá ra vùng đất định cư cho làng/bản).

Sự hợp nhất và tương tác một cách hài hòa của các tiêu không gian văn hóa trên tạo nên một môi trường văn hóa đủ sức đáp ứng mọi nhu cầu tối thiểu của cộng đồng, hướng về

(1) Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 59

thống gia đình người Việt), được thu nhận và tiếp biến từ hai nguồn văn hóa chủ đạo:

Một là, lấy cái căn cốt địa phương là cần cù, chịu khó, có ý thức hy sinh vì họ tộc, cộng đồng để rộng đường tiếp thu một cách hồn nhiên cái mềm dẻo, cái từ thiện và cái nhân quả của nhà Phật (cái tình) nhằm phục vụ cho chức năng giáo dục trong gia đình (hiếu - nhân).

Hai là, lấy cái ổn định, nền nếp của những nét gia phong đã định vị nhưng chưa hoàn thiện trong gia đình để nhận biết và tiếp thu các giáo lý của Nho phong (lễ - nghĩa) làm khuôn phép cho mọi mối quan hệ (cái lý) từ phạm vi gia đình hạt nhân đến gia đình mở rộng (gia tộc) và đời sống xã hội (làng - nước).

Và như thế, trong môi trường văn hóa truyền thống của Việt Nam, gia đình phong kiến người Việt (đại diện đông đảo và phổ biến nhất là gia đình bình dân, làm nông nghiệp chân quê) luôn tồn tại đồng thời cái mềm dẻo nhân tính của đạo đức địa phương và Phật giáo, những khuôn phép của thuyết lý Nho giáo, và những chuẩn mực cụ thể mang tính thời đại.

Môi trường văn hóa trong xã hội đương đại

Trên tiền trình hình thành và tồn tại của gia đình Việt Nam trong lịch sử, đặc biệt là trong thời kỳ chế độ quân chủ phong kiến, con người Việt Nam luôn giữ được những nét văn hóa địa phương, tạo ra được những bản sắc văn hóa độc đáo, những phong cách sống riêng biệt trên cơ sở tiếp nhận, sàng lọc những yếu tố văn hóa Đông - Tây, thông qua những định hướng, thiết chế và chính sách phát triển văn hóa, xã hội của bộ máy nhà nước mới. Môi trường văn hóa của người Việt với hạt nhân là văn hóa gia đình trong thời kỳ sau Cách mạng Tháng Tám (năm 1945) với những nền nếp gia phong truyền thống, có vai

trò quan trọng trong đời sống sinh hoạt của gia đình ở hầu hết mọi làng quê. Có thể nói, cuộc cách mạng văn hóa tạo ra đột biến mới cho sự xuất hiện và củng cố những tư tưởng và hành vi hiện đại, phù hợp với sự vận động, phát triển của đời sống xã hội đương thời, cả về nhận thức và hành động trong phạm vi gia đình (hạt nhân hay mở rộng). Nhiều tư tưởng của lễ giáo nho gia vốn ràng buộc, thống trị tư tưởng con người nhiều thế kỷ, là cội rễ tác động đến mọi mối quan hệ trong môi trường văn hóa xã hội đã được đặt vấn đề xem xét lại, chuyển hóa theo cách cảm, cách nghĩ mới. Trong quan hệ vợ - chồng, tư tưởng “xuất giá tòng phu” - nhất nhất mọi thứ phải tuân thủ theo chồng đã chuyển dần sang “gái có công, chồng chẳng phụ”, “thuận vợ thuận chồng, tát biển Đông cũng cạn”... Đó cũng là quá trình để quan hệ vợ chồng trong phạm vi gia đình hướng tới sự bình đẳng. Trong quan hệ bố mẹ - con cái, tư tưởng “kim chỉ có đầu”, “cá không ăn muối cá ươn”, con cưỡng lời cha, mẹ trăm đường con hư... đã chuyển dần sang nhận thức coi trọng thật sự cá nhân, tính tự chịu trách nhiệm ngày càng được đề cao, “đời cua cua máy, đời cáy cáy đào”, “con hơn cha là nhà có phúc”... Song hành với sự nổi kết và vận động tri thức, hành vi từ văn hóa truyền thống sang chế độ xã hội mới, những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng các lãnh tụ, chí sĩ yêu nước khác đã sớm được truyền bá vào môi trường sinh hoạt văn hóa gia đình, góp phần tạo ra những quan hệ tiến bộ, giải phóng mọi ách áp bức thân thể và tư tưởng con người, khai thông cho tự do sáng tạo, đề cao nhân cách cá nhân để phục vụ nhiệm vụ cách mạng trong xã hội mới. Sự vận động hướng theo lối sống - đạo đức cách mạng đã và đang được coi là khuôn mẫu mới trong xã hội hiện đại, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Bước vào thời kỳ đổi mới (năm 1986), hội nhập toàn cầu về mặt văn hóa, xã hội Việt

Nam nói chung và gia đình Việt nói riêng lại tiếp cận với bước ngoặt của sự phát triển kinh tế, chính trị và văn hóa. Sự coi trọng phát triển kinh tế thuần túy vô tình làm cho một bộ phận lớn cá nhân tự nhận thức và hành động theo mục đích đồng tiền, bỏ qua những quan hệ xã hội vốn từng hình thành theo nền nếp văn hóa truyền thống. Sự hội nhập về văn hóa (qua các phương tiện truyền thông, sách báo) và hội nhập về giáo dục (qua con đường học tập, lao động, du lịch,...) là những tác nhân vừa đem lại những nhận thức hiện đại, tích cực, vừa lan truyền những nhận thức và hành vi phản văn hóa, không phù hợp với truyền thống đạo đức và lối sống của dân tộc. Hệ quả của việc lãng quên hoặc bỏ qua những nét tích cực của gia phong trong truyền thống dẫn đến những thực trạng đáng lo ngại. Nhiều nghị quyết của Đảng gần đây đã khẳng định sự xuống cấp về đạo đức, nhân cách và lối sống của một bộ phận không nhỏ đảng viên và người dân Việt Nam.

Có thể nhận thấy rằng, môi trường văn hóa giữ vai trò xây tạo không gian cho quá trình thực thi các cơ chế, chính sách theo quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về mặt văn hóa, là nơi trải nghiệm, kiểm nghiệm hoặc điều chỉnh, bổ sung để đi đến hoàn thiện và phù hợp với thực tiễn của từng tiểu không gian văn hóa, điều kiện sống và chủ thể văn hóa ở từng địa phương nhất định, từng vùng văn hóa nhất định và từng dân tộc/tộc người nhất định trong cộng đồng quốc gia đa tộc người Việt Nam.

Môi trường văn hóa là nơi giữ vai trò tạo điều kiện cho con người sáng tạo, thụ hưởng, bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa theo những chuẩn mực phù hợp, được cộng đồng chấp thuận và tuân thủ; cung cấp các điều kiện cần và đủ để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và thực hành tín ngưỡng, tôn giáo trong điều kiện cho phép, làm cơ sở cho quá trình xây

tạo môi gắn kết, đoàn kết cộng đồng giữa các gia đình, dòng họ, làng xã hoặc giữa các dân tộc/tộc người trong một không gian cư trú và sinh kế nhất định. Nhờ có môi trường văn hóa thích hợp làm cơ sở mà “tinh thần đoàn kết và cố kết đã gắn những người nông dân lại với nhau, gắn họ với làng xã và được họ coi là nhu cầu, là lẽ sống, là tình cảm sâu sắc, một nghĩa vụ thiêng liêng”⁽²⁾.

Môi trường văn hóa giữ vai trò cung cấp một cách sinh động những yếu tố văn hóa có ý nghĩa định hướng, quy chuẩn đã được thực tế kiểm nghiệm, góp phần làm minh chứng để uốn nắn các hành vi, hoạt động của cá nhân, gia đình, dòng họ theo nếp sống văn minh và chuẩn mực đạo đức xã hội. Đại diện cho chủ thể văn hóa cộng đồng là sự kết hợp vị thế của già làng với trưởng thôn/bản trong quá trình điều hành thực thi luật tục, phong tục, tập quán (với các dân tộc/tộc người cư trú ở khu vực miền núi) hoặc thực thi hương ước, quy ước (các làng xã của người Việt) đã được cộng đồng chấp thuận và tuân thủ.

Môi trường văn hóa giữ vai trò tạo điều kiện và cung cấp các yếu tố cần thiết (về văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể cũng như điều kiện cải tạo, tác động xây dựng cảnh quan văn hóa từ môi trường sinh thái tự nhiên) để phục vụ phát triển kinh tế - văn hóa và phát triển du lịch ở các địa phương. Thực tế này đã và đang càng ngày càng được minh chứng rõ nét khi ở khá nhiều vùng quê (đặc biệt là các thôn/bản vùng núi - nơi đồng bào các dân tộc cư trú) nở rộ mô hình du lịch cộng đồng (homestay). Sự khai thác giá trị tổng hòa về đẹp của sinh thái tự nhiên với cảnh quan văn hóa mang dấu ấn tạo tác của con người và nguồn di sản văn hóa địa phương là nguồn cội cho sự phát triển các hình thức dịch vụ

(2) Xem Diệp Đình Hoa: *Người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, 2000

mang lại giá trị kinh tế, bổ sung cho sinh kế của cộng đồng trong điều kiện phát triển xã hội đương đại. Tại các địa bàn có sự hiện diện của các di tích lịch sử văn hóa hoặc di tích văn hóa tâm linh, nhu cầu mở rộng dịch vụ phục vụ du khách cũng trở thành nguồn thu quan trọng, góp phần phát triển kinh tế địa phương, giải quyết việc làm, đồng thời góp phần mở rộng các hình thức quảng bá di sản cho vùng quê sở tại. Cũng nhờ có sự phát triển của các loại hình dịch vụ văn hóa, khai thác tài nguyên văn hóa để mang lại lợi ích kinh tế địa phương và cho chính chủ thể văn hóa đó mà nhiều địa phương đã có cơ sở thực tiễn để xác lập các loại quỹ phúc lợi, tạo nguồn dự trữ để chi phí cho việc bảo vệ hoặc cải tạo môi trường sinh thái nhân văn, tôn tạo di tích, tổ chức lễ hội truyền thống, mở lớp trao truyền di sản, chăm lo đời sống các nghệ nhân hoặc chi phí cho các nhu cầu cấp bách đặt ra ở địa phương.

Như vậy, có thể nói môi trường văn hóa là tập hợp các yếu tố bên trong hệ thống xã hội - con người làm thành điều kiện đủ cho mỗi tiểu hệ thống của hệ thống đó tồn tại và phát triển⁽³⁾. Và cũng từ sự phát triển của đời sống văn hóa cộng đồng, có thể nhận thấy, chưa bao giờ môi trường văn hóa ở Việt Nam lại phong phú và đa dạng, lại năng động và tích cực, lại khích lệ và cảm dỗ, lại có nhiều cơ hội và thách thức như hiện nay.

Ứng với điều kiện lịch sử đương đại và vận mệnh quốc gia - dân tộc, môi trường văn hóa đã mở rộng vai trò góp phần khẳng định chủ quyền quốc gia, lãnh thổ tại các khu vực biên giới trên lục địa, các đảo và quần đảo ngoài đại dương. Sự gắn kết giữa văn hóa sinh kế và văn hóa tâm linh tại các không gian thực hành thuộc phạm vi biên giới lục địa và hải phận của quốc gia đã tạo ra niềm tin và sức mạnh góp phần khẳng định, bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán

của quốc gia (với sự hiện diện của các chủ thể văn hóa là cộng đồng cư dân - ngư dân trong quan hệ chặt chẽ với các lực lượng an ninh, quốc phòng dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước).

Môi trường văn hóa giữ vai trò cung cấp một cách sống động, sinh động tổng thể các yếu tố văn hóa vật thể và phi vật thể tương tác với chủ thể văn hóa là con người Việt Nam trong những không gian và thời gian xác định. Nhờ đó, môi trường văn hóa góp phần xây tạo nhịp cầu gắn kết quan hệ toàn diện Việt Nam với thế giới trong điều kiện hội nhập toàn cầu hiện nay, thông qua các hoạt động kinh tế, du lịch, ngoại giao; đồng thời, nhờ đó mà góp phần đẩy nhanh, mạnh hơn nữa quá trình phát triển công nghiệp văn hóa còn non trẻ ở Việt Nam.

Một số vấn đề đặt ra

Về việc xây dựng cơ chế, chính sách gắn kết với bảo vệ môi trường văn hóa, thực tế cho thấy, một số cơ chế, chính sách vẫn còn những bất cập, chưa phù hợp với điều kiện thực tiễn của các địa phương, đặc biệt là các địa bàn cư trú của cộng đồng các tộc người thiểu số ở khu vực miền núi và hải đảo. Do đó, cần có sự nhận diện đặc trưng văn hóa tộc người, đặc điểm môi trường sinh thái tự nhiên và môi trường sinh thái nhân văn của các tiểu vùng một cách cụ thể để xây dựng các cơ chế, chính sách bảo vệ, phát huy vai trò của môi trường văn hóa cho phù hợp với phát triển bền vững.

Thực tế cho thấy, bên cạnh việc xây dựng và ban hành chính sách liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến vấn đề môi trường văn hóa, hầu hết các cấp chính quyền và chủ thể

(3) Xem: Hồ Sĩ Quý: “Về môi trường văn hóa và môi trường văn hóa ở Việt Nam”, *Tạp chí Triết học*, số 3 (190), tháng 3 -2007

ban hành chính sách vẫn chưa sơ kết, đánh giá một cách đồng bộ thực trạng vận dụng và hiệu quả của chính sách đối với đời sống xã hội. Chính vì thế, những bất cập giữa chính sách, cơ chế mang tầm vĩ mô với thực tế đời sống cộng đồng ở các vùng, miền, đặc biệt là khu vực miền núi - nơi hiện diện của các tộc người thiểu số đã và đang là nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong công tác quản lý xã hội, phát triển kinh tế - văn hóa và bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc.

Nhìn ở phạm vi đời sống văn hóa - xã hội, sự tác động của nền kinh tế theo cơ chế thị trường đã và đang tác động một cách đa chiều, thể hiện ở những phạm vi, mức độ và cấp độ khác nhau, vào hoạt động sinh hoạt văn hóa truyền thống và quản lý di sản văn hóa. Thương mại hóa đang hiện hữu tại hàng nghìn di tích, hàng trăm lễ hội, thậm chí gây ra không ít tiêu cực ngay tại các cơ sở sinh hoạt tín ngưỡng tâm linh. Sự tác động này cũng đã và đang khiến cho đội ngũ các nhà quản lý văn hóa những lúng túng nhất định, những nhận thức và xử lý bất cập, không hoặc chưa phù hợp với nhu cầu phát triển của đời sống xã hội đương đại.

Về đội ngũ nhân lực thực thi công tác quản lý nhà nước về văn hóa. Thực tế cho thấy, sự phân định phạm vi quản lý ở tầm vĩ mô (cấp bộ, ban, ngành) vẫn còn có sự chông chéo nhau, ràng buộc về mặt hành chính dẫn đến ngáng trở việc điều hành, giám sát, thực thi nhiệm vụ, quyền hạn,... Với các cấp địa phương, việc bố trí nhân lực không phù hợp về chuyên môn, kỹ năng chuyên ngành tại các vị trí quản lý văn hóa đã dẫn đến nhà quản lý chưa hiểu hết về đối tượng quản lý, đặc tính của việc quản lý văn hóa tại các địa phương, từ đó dẫn đến việc vận dụng các cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước vào quản lý văn hóa chưa phù hợp, không ít trường hợp gây ảnh hưởng (cản trở, lệch hướng,...) đến nhiệm

vụ bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa truyền thống vào điều kiện xã hội đương đại. Khảo sát sơ bộ đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý văn hóa ở 63 tỉnh, thành phố trên phạm vi cả nước, có thể nhận thấy, nhiều vị trí lãnh đạo từ các sở văn hóa, thể thao và du lịch đến phòng văn hóa thông tin và cán bộ phụ trách văn xã cấp địa phương đa phần không được đào tạo qua chuyên môn về văn hóa, thiếu trải nghiệm hoạt động văn hóa và gắn bó với đời sống văn hóa cộng đồng, thiếu sự hiểu biết về tính đặc thù của văn hóa. Do vậy, việc đảm nhiệm chức năng của cơ quan chuyên ngành trong khu vực mình quản lý chắc chắn không thể mang lại hiệu quả như mong muốn. Không phải ngẫu nhiên mà trong số hàng nghìn lễ hội cổ truyền ở các làng quê đã và đang có sự biến đổi, mất đi nhiều giá trị truyền thống, có nguy cơ biến hội làng thành những cuộc mít-tinh, xa lạ với cộng đồng sở tại.

Trong công tác quản lý nhà nước về văn hóa, cần có sự tiếp cận môi trường văn hóa từ chính đặc trưng của văn hóa theo sự vận động, phát triển của xã hội, đặc biệt là quá trình nhận diện, quản lý các hoạt động thực hành tín ngưỡng/tôn giáo truyền thống. Thực tiễn cho thấy, trong một số cơ chế, chính sách được vận dụng vào quá trình quản lý văn hóa đã và đang có nguy cơ làm mất đi tính đa dạng và sống động của văn hóa, làm phai mờ hoặc biến đổi các giá trị văn hóa truyền thống và nguy cơ “giải thiêng” đã và đang dẫn đến tình trạng làm xơ cứng, đánh mất sức hấp dẫn và giá trị của sinh hoạt lễ hội truyền thống cũng như thực hành tín ngưỡng truyền thống ở hầu khắp các địa phương, dẫn đến làm mất đi giá trị và bản sắc văn hóa tộc người.

Về nội dung, cách thức quản lý, ngành văn hóa phải xây dựng bộ công cụ quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị môi trường văn hóa đối với con người, an ninh xã hội và phát triển kinh tế. Bộ công cụ đó phải xuất phát từ những

đặc trưng văn hóa vùng cụ thể, gắn với những nhóm nhiệm vụ cụ thể để làm căn cứ vận dụng cho đội ngũ quản lý văn hóa giải quyết nhiệm vụ theo mục tiêu đã xác định, từ quản lý lễ hội, quản lý di tích, quản lý hệ thống dịch vụ, quản lý tiền công đức như một hình thức gây quỹ phúc lợi, bảo vệ an ninh, trật tự và tuân thủ pháp luật đã ban hành. Cho đến nay, gần như mọi hoạt động dịch vụ văn hóa tại các cơ sở thực hành tín ngưỡng, các địa bàn sinh hoạt lễ hội đã và đang diễn ra một cách tự phát, thiếu tính đồng bộ và chưa đáp ứng nhu cầu đích thực của đời sống văn hóa và phát triển kinh tế của các địa phương. Phát triển văn hóa, công nghiệp văn hóa tại các địa phương cần được nghiên cứu cụ thể, sát thực tiễn để ứng xử một cách có văn hóa, vừa tôn trọng tập quán, phong tục các tộc người, vừa đáp ứng nhu cầu nâng cao nhận thức của cộng đồng với di sản văn hóa truyền thống Việt Nam trong điều kiện hội nhập và phát triển xã hội đương đại một cách bền vững.

Về mặt kế thừa những giá trị di sản văn hóa truyền thống vào việc bảo vệ và xây dựng môi trường văn hóa phù hợp với sự phát triển của xã hội nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa dân tộc, cho đến nay vẫn còn không ít vấn đề đặt ra. Trong xã hội truyền thống, môi trường văn hóa làng/bản luôn coi trọng giá trị thiêng từ thực hành tín ngưỡng, tôn giáo đi kèm với việc thực thi hương ước, tập quán của làng (đối với các làng quê người Việt) hoặc thực thi luật tục, phong tục (đối với cộng đồng các tộc người thiểu số) và dưới sự điều hành của một bộ máy hành chính hạn hẹp nhưng đủ sức quy tụ mọi hoạt động của cộng đồng (già làng, trưởng bản,...). Nhờ đó, môi trường sinh thái được bảo vệ bền vững, từ nguồn nước đến đất đai, ruộng vườn, rừng núi,... Cũng nhờ đó, môi trường xã hội nhân văn được cộng đồng tuân thủ thực hành, gìn giữ theo nếp sống chuẩn mực đã xác định,

từ gia đình đến dòng họ và xóm làng. Tuy nhiên, chuyển sang giai đoạn phát triển của xã hội hiện đại, nhiều chuẩn mực liên quan đến bảo vệ môi trường văn hóa đã bị biến thái hoặc phá vỡ, có nguy cơ tác động xấu đến nhận thức cũng như hoạt động của các thành viên trong cộng đồng. Từ đó, lợi ích cá nhân đã và đang lấn át lợi ích cộng đồng xã hội, gây những hậu quả xấu, từ đạo đức, lối sống đến môi trường sống nói chung. Chính vì thế, nhiệm vụ xây dựng hương ước, quy ước văn hóa làng/bản song hành với việc xây dựng nông thôn mới đã và đang đứng trước những thử thách mới của thực tiễn, đặc biệt là hướng tới mục tiêu bảo vệ môi trường văn hóa cũng như đáp ứng lợi ích, phúc lợi văn hóa của cả cộng đồng, phù hợp với quy luật phát triển tất yếu của toàn xã hội.

Trong những năm gần đây, sự phát triển của quá trình hiện đại hóa, công nghiệp hóa, nhìn từ một phía đã và đang sinh ra hàng trăm đô thị, thị tứ, khu công nghiệp ở hầu khắp các tỉnh, thành phố, và hiện tại đang là một trong những tác nhân gây ra hệ quả xấu cho môi trường sinh thái và làm biến đổi môi trường văn hóa nhân văn, từ đó sinh ra những hệ lụy đáng báo động cho xã hội. Từ thực trạng này, cần có những chính sách thiết thực trong quá trình tổ chức văn hóa doanh nghiệp, xây dựng tiêu chí văn hóa doanh nhân ở các địa phương nói riêng và tầm vĩ mô cả nước nói chung.

Vấn đề cuối cùng liên quan đến việc bảo vệ môi trường văn hóa trong điều kiện phát triển xã hội đương đại là phải quan tâm xây dựng và thực thi nghiêm túc các chế tài phù hợp để quản lý văn hóa nói riêng và mọi mặt của đời sống xã hội nói chung, bảo vệ được một môi trường văn hóa, môi trường xã hội lành mạnh, sẽ tạo đà và thế cho công cuộc phát triển xã hội đương đại trong điều kiện hội nhập, đồng thời giữ vững bản sắc dân tộc, hiện tại cũng như lâu dài. □